***Ngày soạn: .................................................***

***Ngày giảng: ...............................................***

**Tiết 35: ÔN TẬP**

1. **Mục tiêu:**

**1) Kiến thức:**

- Hiểu và trình bày được các đặc điểm chính về tự nhiên, dân cư, kinh tế, xã hội của các nước khu vực Đông Nam á.

- Một số kiến thức mang tính tổng kết về địa lí TN và con người với môi trường địa lí.

- Một số đặc điểm về vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ VN, vùngbiển, lịch sử phát triển TNVN và tài nguyên khoáng sản VN.

**2) Kỹ năng:**

- Phát triển khả năng tổng hợp hệ thống hóa kiến thức, xác lập mối quan hệ giữa các yếu tố TN, giữa TN và họat động sx của con người.

**3)Thái độ:** Yêu thiên nhiên quê hương đất nước

* 1. **Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1)Giáo viên:**

1. Bản đồ các nước khu vực ĐNA, TN và KTế ĐNA.
2. Bản đồ tự nhiên VN,các sơ đồ sgk.
3. Phiếu học tập cần thiết.
4. **Học sinh**: Chuẩn bị như nội dung dặn dò ở tiết trước

**III) Hoạt động trên lớp:**

1. **Ổn định**

**2)Kiểm tra:** Sự chuẩn bị ôn tập ở nhà của HS

**3)Tiến hành ôn tập:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** |  | **Ghi bảng** | | | |
| **\* HĐ1:** |  | **A) Kiến thức cơ bản:** | |  | |
| ***Nhóm 1*** |  | **I) Khu vực Đông Nam Á:** | | | |
| 1) Nêu đặc điểm dân cư Đông Nam Á? |  | **1) Dân cư xã hội:** |  | |  |
| 2) Dựa kiến thức đã học hoàn thiện bảng |  | - Dân cư: Năm 2002 có 536 triệu dân, | | | |
| sau: |  | mật độ dân số 119 người/km2, tỉ lệ gia | | | |
|  |  | tăng tự nhiên đạt 1,5% | | | |
|  |  | - Giữa các nước Đông Nam Á có những | | | |
|  |  | nét tương đồngvà khác biệt | | | |
| *GV: Nguyễn Văn Chung* |  |  |  |  | *Trang 134* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Kế hoạch dạy học Địa lý 8 | | | |
|  |  | |  | |
| Nội dung | Những nét tương đồng của các nước Đông Nam Á | | | |
| Văn hóa | Có những lễ hội truyền thống, có các nhạc cụ (trống, cồng, | | | |
|  | chiêng...) |  |  |  |
|  |  | | | |
| Sinh hoạt, sản xuất | Sử dụng lúa gạo làm thức ăn chính. Thâm canh lúa nước, lấy | | | |
|  | trâu bò làm sức kéo. | | | |
|  |  | | | |
| Lịch sử | Là thuộc địa của thực dân châu Âu trong thời gian dài. Cùng | | | |
|  | đấu tranh giải phóng đất nước, đã giành độc lập. | | | |
|  |  |  | | |
| ***Nhóm 2***: |  | **2) Kinh tế các nước Đông Nam Á:** | | |
|  |  |  |  |  |
| 1) Nêu đặc điểm | kinh tế các | - Phát triển khá nhanh song chưa vững chắc. | | |
| nước Đông Nam Á? Giải thích? | | - Dễ bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế | | |
| 2) Cơ cấu kinh tế các nước đã | | giới. | | |
| có sự thay đổi như thế nào? | | - Môi trường chưa được quan tâm đúng mức. | | |
|  |  | - Cơ cấu kinh tế đang có những thay đổi theo | | |
| ***Nhóm 3*** : |  | hướng tích cực: Tỉ trọng nông nghiệp giảm, tỉ | | |
|  | trọng công nghiệp, dịch vụ tăng. | | |

1. Mục tiêu hợp tác của các **3) Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| nước ASEAN đã thay đổi như | - Trong 25 năm đầu là tổ chức hợp tác về quân sự | |
| thế nào qua các thời kì? | -> Đầu năm 90 của TKXX xd cộng đồng hòa hợp | |
| 2) Việt Nam trong ASEAN có | để phát triển kinh tế - xã hội -> Đến nay hợp tác | |
| những lợi thế và khó khăn gì? | toàn diện về mọi mặt: Kinh tế - xã hội, chính trị - | |
|  | quốc phòng, nghiên cứu khoa học...... | |
|  | - Việt nam đã có những lợi thế và những khó | |
|  | khăn nhất định: | |
|  | + Tăng cường hợp tác ngoại thương, đa dạng hóa | |
|  | các sản phẩm xuất, nhập khẩu, xóa đói giảm | |
|  | nghèo, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống | |
|  | người dân, rút gần khoảng cách chênh lệch với | |
|  | các nước trong khu vực. | |
|  | + Khó khăn: Sự chênh lệch về trình độ kinh tế - | |
|  | xã hội, sự khác biệt về thể chế chính trị, ngôn | |
| ***Nhóm 4*** | ngữ... | |
| **III) Tự nhiên Việt Nam:** | |
|  |  |  |

1. Xác định vị trí của VN trên **1) Việt Nam đất nước con người:**

|  |  |
| --- | --- |
| bản đồ thế giới? Điều đó có ý | - VN là nước có độc lập, chủ quyền và toàn vẹn |
| nghĩa như thế nào? | lãnh thổ, gồm phần đất liền, vùng biển và vùng |
| 2) Trên con đường phát triển | trời. |
| VN đã thu được những thành | - Công cuộc đổi mới bắt đầu từ năm 1996, nức ta |
| tựu và còn gặp khó khăn gì? | đã thu được những thành tựu to lớn, vững chắc. |
| 3) Hoàn thành BT sau: | SX nông nghiệp liên tục phát triển. Sản lượng |
| *Công cuộc đổi mới toàn diện* | lương thực tăng cao. Công nghiệp đã từng bước |
|  |  |
| *GV: Nguyễn Văn Chung* | *Trang 135* |

Kế hoạch dạy học Địa lý 8

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *nền kinh tế nước ta bắt đầu từ* | | | | phát triển mạnh mẽ, nhất là các ngành công | |
| *năm ..(1).. đã đạt được những* | | | | nghiệp then chốt.Cơ cấu kinh tế ngày càngcân | |
| *thành tựu..(2)* | |  |  | đối, hợp lí hơn. Đời sống vật chất, tinh thần | |
| *-* | *Nông* | *nghiệp* | *liên* | củanhân dân được cải thiện rõ rệt. | |
| *tục........* | *(3)........* | *, sản* | *lượng* |  |  |
| *lương thực...........* | | *(4)...* |  | **2) Vị trí hình dạng lãnh thổ VN:** | |
|  |  |  |  |  |  |

1. *Công nghiệp phát* ***\* Đặc điểm nổi bật của vị trí địa lí về mặt tự*** *triển...(5)...... nhất là các ngành* ***nhiên:***

|  |  |
| --- | --- |
| *công nghiệp...(6)...* | - Vị trí nội chí tuyến |

1. *Cơ cấu kinh tế ngày* - Vị trí gần trung tâm Đông Nam Á.

|  |  |
| --- | --- |
| *càng....(7).....* | - Vị trí cầu nối giữa đất liền và hải đảo, giữa các |

1. *Đời sống vật chất, tinh thần* nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải *ngày càng được.........(8)..........* đảo.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **\* HĐ2:** | - Vị trí tiếp xúc giữa các luồng gió mùa và sinh | | |
| ***Nhóm 1*** | vật. | | |
| 1) Nêu những đặc điểm nổi bật | ***\* Thuận lợi*** | | |
| của vị trí địa lí về mặt tự nhiên? | - Có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế | | |
| 2) Vị trí và hình dạng lãnh thổ | cả trên đất liền, trên biển. | | |
| có những thuận lợi và khó khăn | - Thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực | | |
| gì cho công cuộc xây dựng và | Đông Nam Á và các nước khác trên thế giới. | | |
| bảo vệ Tổ quốc? | ***\* Khó khăn:*** | | |
| ***Nhóm 2:*** | - Thiên tai thường xuyên xảy ra. | | |
| 1) Chứng minh biển VN mang | - Khó khăn trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ | | |
| tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa | cả trên đất liền cũng như trên biển | | |
| qua các yếu tố khí hậu, hải văn | **3) Biển VN:** |  | |
| của biển? | - Mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện rõ | | |
| 2) Biển đã mang lại những | qua các yếu tố khí hậu, hải văn của biển. | | |
| thuận lợi - khó khăn gì cho sự | - Biển có giá trị lớn về nhiều mặt: Kinh tế - xã | | |
| phát triển kinh tế và đời sống? | hội, quốc phòng và nghiên cứu khoa học... | | |
| ***Nhóm 3:*** | - Khó khăn lớn nhất: Thiên tai thường xuyên xảy | | |
| ra: bão nhiệt đới, triều cường, cát lấn...và việc bảo | | |
| 1) Trình bày lịch sử phát triển tự | vệ chủ quyền vùng biển. | | |
| nhiên VN? Nêu ý nghĩa của giai | **4) Lịch sử phát triển tự nhiên VN:** | | |
| đoạn Tân kiến tạo đối với sự | - Chia 3 giai đoạn: | |  |
| phát triển lãnh thổ nước ta hiện | + Tiền Cambri | | |
| nay? | + Cổ kiến tạo | | |

* 1. Tân kiến tạo

1. Chứng minh nguồn tài ***\* Tân kiến tạo***: là giai đoạn có ý nghĩa quan nguyên khoáng sản nước ta trọng nhất đối với sự phát triển lãnh thổ VN hiện

|  |  |
| --- | --- |
| phong phú, đa dạng? | nay: |
|  | - Làm núi non sông ngòi trẻ lại, hoạt động mạnh |
|  | mẽ. |
| *GV: Nguyễn Văn Chung* | *Trang 136* |

Kế hoạch dạy học Địa lý 8

1. Hình thành các CN badan, các ĐB phù sa trẻ.
2. Mở rộng biển Đông, tạo các bể dầu khí lớn.
3. Quá trình tiến hóa sinh vật với sự xuất hiện của loài người.

**5) Khoáng sản VN**

1. Là nước giàu tài nguyên khoáng sản:
2. Thăm dò > 5000 điểm quặng, tụ khoáng và có > 60 loại khoáng sản khác nhau.
3. Phần lớn các mỏ có trữ lượng vừa và nhỏ, phân bố rộng khắp trên toàn lãnh thổ.Mỗi giai đoạn lịch sử đã hình thành nên các vùng mỏ chính khác nhau.
4. Một số mỏ có trữ lượng lớn, có giá trị kinh tế đã được khai thác: Dầu mỏ, khí đốt, than đá, đồng, chì kẽm, apatit.

**B) Kỹ năng:**

- Đọc bản đồ tự nhiên, kinh tế, dân cư. - Đọc các biểu đồ, bảng số liệu.

**4) Củng cố**

Nhận xét sự chuẩn bị ôn tập của HS

**5) Hướng dẫn vn:**

1. Ôn tập toàn bộ kiến thức chuẩn bị kiểm tra 1 tiết
2. Câu hỏi tham khảo:
3. Nêu những nét tương đồng và đa dạng của các nước Đông Nam Á về : Văn hóa, sinh hoạt, sản xuất, lịch sử.
4. Kinh tế các nước Đông Nam Á có đặc điểm gì? Tại sao các nước tiến hành công nghiệp hóa nhưng kinh tế phát triển chưa vững chắc?
5. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trên Trái Đất? Cho ví dụ minh họa.
6. Việt Nam trên con đường xây dựng và phát triển đã thu được những thành tựu gì? Nêu mục tiêu tổng quát của chiến lược 10 năm 2001 - 2010 ở nước ta?
7. Nêu những đặc điểm nổi bật của vị trí địa lí về mặt tự nhiên? Vị trí, hình dạng lãnh thổ có thuận lợi - khó khăn gì trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?
8. Chứng minh biển Việt Nam mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa qua các yếu tố khí hậu, hải văn của biển?
9. Trình bày tài nguyên và bảo vệ môi trường biển Việt Nam hiện nay.
10. Trình bày lịch sử phát triển tự nhiên Việt Nam? Cho biết ý nghĩa của giai đoạn Tân kiến tạo đối với sự phát triển của lãnh thỗ VN hiện nay?
11. Chứng minh tài nguyên khoáng sản nước ta phong phú, đa dạng.

*GV: Nguyễn Văn Chung* *Trang 137*

Kế hoạch dạy học Địa lý 8

10)Cho biết vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản hiện nay ở nước ta như thế nào?